TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2026/QĐST-KDTM	*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; 147; 157; 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357; 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 100; khoản 1 Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/TLST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ (B); địa chỉ trụ sở chính: tháp B, số A T, phường H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Ngọc L; chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn C, người đứng đầu Chi nhánh M – Ngân hàng TMCP Đ *(theo Quyết định số 9082/QĐ-BIDV ngày 22/10/2025);*

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Hoàng Ngọc T; chức vụ: Giám đốc Phòng G – Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh M *(theo Quyết định ủy quyền số*

1806/QĐ-BIDV.MC ngày 21/11/2025 của người đại diện theo ủy quyền – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh M).

- *Bị đơn:* anh Phạm Xuân H, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* chị Phạm Thị H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 10/02/2026 anh Phạm Xuân H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (B), theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/21328436/HĐTD ngày 16/7/2024 gồm: nợ gốc 1.478.674.164 đồng; nợ lãi chưa trả 90.142.940 đồng. Tổng cộng là **1.568.817.104** đồng *(một tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu tám trăm mười bảy nghìn một trăm linh bốn đồng).*

2.2. Thời hạn thanh toán: anh Phạm Xuân H phải thanh toán đợt 01 chậm nhất vào ngày 31/3/2026, số tiền là 500.000.000 đồng *(năm trăm triệu đồng)* cho Ngân hàng TMCP Đ (B), ưu tiên thu vào nợ gốc. Đợt 02 chậm nhất vào ngày 30/4/2026, anh H phải thanh toán 500.000.000 đồng *(năm trăm triệu đồng)* cho Ngân hàng TMCP Đ (B), ưu tiên thu vào nợ gốc. Đợt 03 chậm nhất vào ngày 31/5/2026, anh H phải tất toán toàn bộ phần dư nợ còn lại (bao gồm nợ gốc, nợ lãi, lãi phát sinh) cho Ngân hàng TMCP Đ (B).

Kể từ ngày 11/02/2026, anh H vẫn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Trường hợp anh H vi phạm bất kỳ một kỳ trả nợ nào (về số tiền và thời hạn thanh toán) thì Ngân hàng TMCP Đ (B) có quyền thu hồi toàn bộ khoản nợ (bao gồm cả số tiền chưa đến kỳ thanh toán) và có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 599127, số vào sổ cấp GCN: CH-00341/2 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/7/2023 cấp cho ông Phạm Viết D. Ngày 08/8/2023 tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Phạm Xuân H và bà Phạm Thị H1, diện tích 461,1m^2 (trong đó có 221m^2 đất ở và 240,1m^2 đất trồng cây lâu năm), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2023/21328436/HĐBĐ ngày 14/8/2023 được đăng ký tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, để thu hồi nợ.

Trong trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (B), thì anh H vẫn phải tiếp tục thanh toán số

tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP Đ (B) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc, nợ lãi, lãi phát sinh và Ngân hàng TMCP Đ (B) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý, kê biên tài sản khác của anh Phạm Xuân H và chị Phạm Thị H1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (B).

2.3. Về chi phí tố tụng: anh Phạm Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ (B) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 8.000.000 đồng *(tám triệu đồng).*

2.4. Về án phí: anh Phạm Xuân H tự nguyện nộp cả 29.532.256 đồng *(hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng)* tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 28.500.000 đồng *(hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng)*, theo Biên lai số 0002638 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh cho Ngân hàng TMCP Đ (B).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.